

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 91/2016/QĐ-UBND

An Giang, ngày 22 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá dịch vụ sử dụng đò trên địa bàn tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 01 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí, lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 2 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định giá dịch vụ sử dụng đò ngang và dọc trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Quyết định này áp dụng đối với:

a) Người đi bộ; người điều khiển: phương tiện giao thông thô sơ đường bộ, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy chuyên dùng và các loại xe tương tự có nhu cầu đi ngang sông, kênh hoặc đi dọc sông, kênh;

b) Các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép hoạt động cung cấp dịch vụ sử dụng đò (gọi tắt là Chủ đò);

c) Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý nhà nước đối với việc khai thác các bến đò.

Điều 2. Đối tượng phải trả tiền dịch vụ và người thanh toán giá dịch vụ sử dụng đò

1. Đối tượng phải trả tiền dịch vụ sử dụng đò bao gồm: người đi bộ, phương tiện giao thông thô sơ đường bộ, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy chuyên dùng và các loại xe tương tự.

2. Người thanh toán giá dịch vụ sử dụng đò bao gồm: người đi bộ; người điều khiển: phương tiện giao thông thô sơ đường bộ, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy chuyên dùng và các loại xe tương tự.

Điều 3. Giá dịch vụ sử dụng đò

1. Khung giá dịch vụ sử dụng đò được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước:

a) Biểu mức thu giá dịch vụ sử dụng đò ngang:

Số TT	Đối tượng thu	Đơn vị tính	Khung giá
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Hành khách	đồng/người/lượt	1.000 - 5.000
2	Xe đạp (kể cả xe đạp điện), xe đẩy	đồng/xe/lượt	1.000 - 2.500
3	Xe gắn máy (kể cả xe máy điện), xe mô tô 02 bánh, xe mô tô 03 bánh	đồng/xe/lượt	1.000 - 5.000
4	Xe lôi đạp	đồng/xe/lượt	1.000 - 4.000
5	Xe ba gác, xe thô sơ và các loại xe tương tự, xe tải nhỏ dưới 01 tấn	đồng/xe/lượt	2.500 - 5.000
6	Xe ô tô 04 chỗ	đồng/xe/lượt	10.000 - 20.000
7	Xe ô tô 07, 09 chỗ	đồng/xe/lượt	15.000 - 25.000
8	Gia súc thả dẫn (không bỏ vào bao, lồng)	đồng/con/lượt	1.000 - 4.000
9	Hàng hóa (bao gồm gia súc, gia cầm bỏ vào bao, lồng) có trọng lượng: - Dưới 50 kg - Từ 50 kg trở lên - Cồng kênh	đồng/lượt đồng/50kg/lượt đồng/lượt	1.000 - 4.000 5.000 5.000 - 10.000

b) Đối với giá dịch vụ sử dụng đò dọc: mức thu do người có nhu cầu sử dụng đò dọc thỏa thuận với Chủ đò cho phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế, cụ thể:

- Đối với hành khách tối đa không quá 5000đồng/km/người;
- Đối với hàng hóa tối đa không quá 5.000đồng/km/50kg, hàng hóa cồng kềnh tối đa không quá 10.000đồng/km/50kg.

c) Giá dịch vụ sử dụng đồ quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và phí bảo hiểm hành khách theo quy định.

d) Trường hợp các đối tượng mua vé tháng hoặc quý thì được giảm 10% mức giá quy định tại Điều này.

đ) Trường hợp người có nhu cầu sử dụng đồ vào ban đêm (Từ 22 giờ đến 04 giờ sáng ngày hôm sau) thì mức thu thỏa thuận với chủ đồ, nhưng tối đa không quá 02 (hai) lần mức giá quy định tại Điều này.

2. Giá tối đa sử dụng đồ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước:

Các Chủ đồ quy định mức giá dịch vụ sử dụng đồ nhưng tối đa không được cao hơn mức giá tối đa của từng loại phương tiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 4. Đối tượng được miễn thu

1. Người và phương tiện đi lại của thương bệnh, bệnh binh, giáo viên, học sinh, trẻ em dưới 10 tuổi, người khuyết tật nặng.

2. Xe cứu thương kể cả các loại xe khác chở người bị nạn đến nơi cấp cứu.

3. Xe cứu hỏa.

4. Xe máy nông, lâm nghiệp: máy cày, máy xới, máy làm cỏ, máy tuốt lúa.

5. Xe hộ đê, xe làm nhiệm vụ khẩn cấp chống lũ bão.

6. Xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh gồm: xe tăng, xe bọc thép, xe kéo pháo, xe chở lực lượng vũ trang đang hành quân.

7. Xe, đoàn xe đưa tang.

8. Đoàn xe có hộ tống, dẫn đường.

9. Xe làm nhiệm vụ vận chuyển thuốc men, máy móc, thiết bị, vật tư, hàng hoá đến những nơi bị thảm họa hoặc đến vùng có dịch bệnh.

Điều 5. Trách nhiệm của Chủ đồ

1. Ký hợp đồng nhận quyền khai thác bến đồ.

2. Được thu và thực hiện thu giá dịch vụ qua đồ theo mức thu quy định trong hợp đồng đã ký, đảm bảo các quyền lợi khác theo hợp đồng đã ký.

3. Thực hiện mua phí bảo hiểm tai nạn, rủi ro cho hành khách, phương tiện, hàng hóa theo quy định, đảm bảo hành khách qua sông an toàn tuyệt đối.

4. Tổ chức các điểm bán vé thuận tiện theo quy định: bố trí trạm thu thuận tiện cho người điều khiển phương tiện giao thông, tránh ùn tắc giao thông; bán kịp thời, đầy đủ các loại vé theo yêu cầu của người mua.

5. Thực hiện thông báo công khai (kể cả niêm yết tại nơi bán vé) về đối tượng thuộc diện phải chi trả tiền dịch vụ, đối tượng được miễn thu, mức giá và các thủ tục thu, nộp tiền dịch vụ theo quy định.

6. Thực hiện sử dụng chứng từ thu (được gọi chung là vé) theo quy định: việc in, phát hành, quản lý và sử dụng vé thực hiện theo hướng dẫn về hóa đơn bán hàng và cung ứng vụ của Bộ Tài chính.

7. Thực hiện đăng ký, kê khai nộp thuế và các khoản phải nộp khác với cơ quan thuế theo quy định.

8. Thực hiện duy tu, bảo dưỡng các bên đỡ bảo đảm an toàn giao thông theo quy định.

Điều 6. Trách nhiệm của sở, ngành liên quan và địa phương

1. Trách nhiệm của Sở Giao thông Vận tải:

a) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan xây dựng phương án điều chỉnh mức giá dịch vụ sử dụng đồ trên địa bàn tỉnh phù hợp tình hình thực tế, bảo đảm khả năng chi trả hợp lý của người dân và hỗ trợ phát triển cho doanh nghiệp;

Việc điều chỉnh mức giá thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 177/2013/NĐ - CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm của các Chủ đồ theo quy định tại Quyết định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

c) Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết cho phù hợp.

2. Trách nhiệm của cơ quan thuế:

Hướng dẫn cho các Chủ đồ trong việc sử dụng chứng từ thu, đăng ký, kê khai và nộp các khoản thuế vào ngân sách nhà nước theo quy định.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Tổ chức thực hiện việc thu giá dịch vụ sử dụng đồ theo quy định tại Quyết định này trên địa bàn. Đối với các bên đỡ liên huyện phải được sự thống nhất giữa các huyện trước khi thực hiện.

b) Chỉ đạo các các đơn vị xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý thường xuyên tổ chức kiểm tra, theo dõi việc thực hiện Khoản 4, Khoản 5 và Khoản 8 Điều 5 Quyết định này của Chủ đồ. Nếu phát hiện hành vi vi phạm thì báo cơ quan có thẩm quyền xử lý.

c) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện giá dịch vụ qua đồ của Chủ đồ và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm theo quy định tại Quyết định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn:

a) Tổ chức bảo vệ trật tự an toàn trong khu vực bến đò thuộc phạm vi quản lý;

b) Thực hiện duy tu sửa chữa nâng cấp, xây dựng cơ sở hạ tầng thuộc phạm vi bến đò theo quy định.

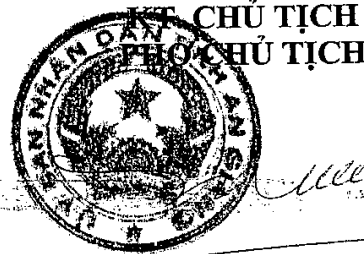
Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Điều 8. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Chủ nhận quyền khai thác bến đò và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, HĐND, UBNDTQVN tỉnh;
- Chủ tịch & các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- Báo & Đài PTTH An Giang;
- Công thông tin điện tử An Giang;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, các phòng, ban & trung tâm;
- Lưu: HCTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

Lê Văn Nưng